

Số: /QĐ-TTPVHCC

Quảng Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính liên quan
đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công Quốc gia; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 18/04/2025; Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 1.243 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết

của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó: cấp tỉnh 1.102 thủ tục; cấp xã 141 thủ tục (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (*báo cáo*)
- Các PGĐ, các phòng, đơn vị thuộc TT;
- Ban biên tập;
- Lưu: VT, KSTTHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Vân

DANH MỤC TTHC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH
(Kèm theo Quyết định số 952/QĐ-TTPVHCC ngày 28/11/2025
của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
A	TTHC CẤP TỈNH (1.102 TTHC)		843	259	
I	Sở Công Thương (163 TTHC)		160	3	
I.1	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện				
1	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
2	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
3	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
4	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
5	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện		x	
6	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
7	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
8	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
I.2	Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
9	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	x		
10	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	x		
11	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
12	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
I.3	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa				
13	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		định			
14	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	x		
I.4	Lĩnh vực Công nghiệp nặng				
15	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	x		
I.5	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
16	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	x		
17	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	x		
18	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	x		
19	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	x		
20	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	x		
21	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	x		
22	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	x		
23	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	x		
24	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	x		
25	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	x		
26	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	x		
27	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	x		
I.6	Lĩnh vực Điện				
28	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
29	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
30	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	x		
31	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
32	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
33	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
34	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	x		
35	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
36	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
I.7	Lĩnh vực Điện lực				
37	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	x		
38	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	x		
I.8	Lĩnh vực Giám định thương mại				
39	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	x		
I.9	Lĩnh vực Khoáng sản				
40	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	x		
41	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	x		
42	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	x		
43	1.013652	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
I.10	Lĩnh vực Kinh doanh khí				
44	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	x		
45	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
46	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	x		
47	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	x		
48	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	x		
49	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	x		
50	2.000166	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	x		
51	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	x		
52	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	x		
I.11	Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước				
53	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		
54	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		
55	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	x		
56	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	x		
57	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	x		
58	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	x		
59	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	x		
60	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	x		
61	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	x		
62	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
63	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
64	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	x		
65	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	x		
66	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	x		
67	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	x		
68	0.200064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
69	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	x		
70	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	x		
71	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	x		
72	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	x		
73	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	x		
74	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	x		
75	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	x		
76	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
77	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	x		
I.12	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp				
78	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	x		
79	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	x		
80	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	x		
81	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	x		
82	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x		
83	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x		
84	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	x		
I.13	Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý				
85	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	x		
I.14	Lĩnh vực Thương mại điện tử				
86	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	x		
87	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	x		
88	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	x		
89	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng				
90	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	x		
91	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	x		
92	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	x		
93	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	x		
94	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	x		
95	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	x		
96	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	x		
97	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	x		
98	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	x		
99	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	x		
100	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	x		
I.15	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ				
101	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	x		
102	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
103	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	x		
104	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	x		
105	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
106	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		
107	2.000172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		x	
108	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		x	
109	0.200021	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
110	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	x		
I.16	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu				
111	2.000303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	x		
112	1.001370	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	x		
113	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	x		
114	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	x		
115	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	x		
116	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	x		
117	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	x		
118	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	x		
119	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	x		
120	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	x		
121	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	x		
122	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	x		
123	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	x		
124	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	x		
125	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	x		
126	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	x		
127	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	x		
128	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	x		
129	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	x		
130	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	x		
131	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
132	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	x		
133	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	x		
134	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	x		
135	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	x		
136	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR1	x		
137	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	x		
138	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	x		
139	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	x		
140	0.100045	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	x		
141	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	x		
142	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	x		
143	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	x		
144	1.000264	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	x		
145	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	x		
146	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	x		
147	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	x		
148	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	x		
149	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	x		
150	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	x		
151	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	x		
152	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		để kinh doanh hàng miễn thuế			
153	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	x		
154	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	x		
155	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	x		
I.17	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại				
156	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	x		
157	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	x		
158	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x		
159	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	x		
160	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	x		
161	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	x		
162	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	x		
163	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	x		
II	Sở Giáo dục và Đào tạo (28 TTHC)		10	18	
II.1	Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác				
1	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	x		
2	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	x		
3	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao		x	
4	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		x	
II.2	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp				
5	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận		x	
6	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;		x	
7	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
8	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
9	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực		x	
10	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
11	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
12	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	x		
13	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	x		
II.3	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên				
14	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	x		
15	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực		x	
16	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực		x	
17	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		x	
18	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		x	
19	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực		x	
20	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	x		
21	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên		x	
II.4	Lĩnh vực Giáo dục trung học				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
22	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		x	
23	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		x	
II.5	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo với nước ngoài				
24	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài		x	
25	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	x		
26	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	x		
27	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	x		
II.6	Lĩnh vực Văn bằng chứng chỉ				
28	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam		x	
III	Sở Khoa học và Công nghệ (156 TTHC)		133	23	
III.1	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân				
1	1.014205	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	x		
2	1.014207	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x		
3	1.014206	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.			
4	1.014204	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	x		
5	1.013971	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x		
6	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	x		
7	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x		
8	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
9	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.		x	
10	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
11	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	
12	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.		x	
13	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).		x	
14	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
	Lĩnh vực Bưu chính				
15	1.00447	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	x		
16	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)		x	
17	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	x		
18	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	x		
19	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	x		
20	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	x		
21	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	x		
III.2	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ				
22	1.014454	Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher.	x		
23	1.014453	Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay.	x		
24	1.014452	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	x		
25	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	x		
26	1.014444	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	x		
27	1.014446	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	x		
28	1.014445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	x		
29	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	x		
30	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	x		
31	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
32	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	x		
33	1.01394	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	x		
34	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	x		
35	1.013939	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	x		
36	1.013933	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	x		
37	1.013927	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	x		
38	1.013943	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	x		
39	1.013936	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	x		
40	1.013918	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	x		
41	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	x		
42	1.013944	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -		x	
43	1.013931	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	x		
44	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	x		
45	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	x		
46	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	x		
47	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	x		
48	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
49	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước		x	
50	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
51	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
52	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)		x	
53	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến		x	
54	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	x		
55	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	x		
56	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	x		
57	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người		x	
58	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	x		
59	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		
60	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	x		
61	1.006427	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	x		
III.3	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ				
62	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
63	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	x		
64	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	x		
65	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	x		
66	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	x		
67	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	x		
68	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	x		
69	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x	
70	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	x		
71	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	x		
III.4	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện				
72	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	x		
73	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	x		
74	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	x		
75	2.00279	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	x		
76	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	x		
77	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	x		
78	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	x		
79	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)		x	
80	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá		x	
81	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		phương tiện nghề cá			
82	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	x		
83	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	x		
84	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	x		
85	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	x		
86	2.00278	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	x		
87	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	x		
88	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	x		
89	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	x		
90	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	x		
91	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	x		
III.5	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng				
92	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	x		
93	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	x		
94	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	x		
95	3.00048	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	x		
96	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
97	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	x		
98	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	x		
99	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	x		
100	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	x		
101	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	x		
102	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	x		
103	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	x		
104	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	x		
105	3.00047	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	x		
106	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	x		
107	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
108	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	x		
109	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	x		
110	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	x		
111	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	x		
112	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	x		
113	3.000463	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	x		
114	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	x		
115	3.00046	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		
116	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		
117	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		
118	3.00045	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	x		
119	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	x		
120	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	x		
121	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	x		
122	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	x		
123	3.000453	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		
124	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
125	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x		
126	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	x		
127	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.		x	
128	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)		x	
129	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	x		
130	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	x		
131	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	x		
132	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu		x	
III.6	Lĩnh vực Viễn thông và Internet				
133	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
134	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	x		
135	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	x		
136	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	x		
137	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	x		
138	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
139	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		dùng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			
140	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP		x	
141	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	x		
142	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	x		
143	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	x		
144	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	x		
145	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
146	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	x		
147	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	x		
148	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	x		
149	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	x		
150	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	x		
151	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	x		
152	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
153	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	x		
154	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông			
155	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	x		
156	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
IV	Sở Ngoại vụ (04 TTHC)		4	0	
IV.1	Lĩnh vực Hội nghị, hội thảo quốc tế				
1	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	x		
2	2.002313	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	x		
3	2.002314	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	x		
4	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	x		
V	Sở Nông nghiệp và Môi trường (218 TTHC)		97	121	
V.1	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học				
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận		x	
2	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	x		
3	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen		x	
4	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		thương mại			
5	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen		x	
6	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen		x	
7	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	x		
8	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	x		
9	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	x		
V.2	Lĩnh vực Biển và hải đảo				
10	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học Cấp tỉnh		x	
11	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của Cấp tỉnh		x	
12	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học Cấp tỉnh		x	
13	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của Cấp tỉnh		x	
14	1.009481	Công nhận khu vực biển Cấp tỉnh		x	
15	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (Cấp tỉnh)		x	
16	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm (Cấp tỉnh)		x	
17	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (Cấp tỉnh)		x	
18	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (Cấp tỉnh)		x	
19	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (Cấp tỉnh)		x	
20	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (Cấp tỉnh)		x	
21	1.005399	Trả lại khu vực biển (Cấp tỉnh)		x	
22	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (Cấp tỉnh)		x	
23	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (Cấp tỉnh)		x	
24	1.005401	Giao khu vực biển (Cấp tỉnh)		x	
V.3	Lĩnh vực Chăn nuôi				
25	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
26	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	x		
27	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	x		
28	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	x		
29	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	x		
30	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	x		
31	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	x		
32	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	x		
33	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		
34	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công		x	
35	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công		x	
36	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi		x	
37	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	
38	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	x		
39	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		x	
40	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi		x	
41	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn		x	
V.4	Lĩnh vực Đất đai				
42	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất		x	
43	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	x		
44	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		thẩm quyền			
45	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	x		
46	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	x		
47	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	x		
48	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu		x	
49	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
50	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	x		
51	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	x		
52	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	x		
53	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	x		
54	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	x		
55	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	x		
56	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	x		
57	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	x		
58	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	x		
59	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	x		
60	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	x		
61	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		x	
62	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân Cấp tỉnh		x	
V.5	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản				
63	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		x	
64	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	x		
65	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	x		
66	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)	x		
67	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
68	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x		
69	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	x		
70	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (Cấp tỉnh)	x		
71	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		x	
72	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản		x	
73	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản		x	
74	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Cấp tỉnh)		x	
75	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)		x	
76	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	x		
77	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	x		
78	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản		x	
79	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt		x	
80	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)		x	
81	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		x	
82	1.014287	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		x	
83	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản		x	
84	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	x		
85	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản		x	
86	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		x	
87	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV		x	
88	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)		x	
89	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
90	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản		x	
91	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)	x		
92	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản		x	
93	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)		x	
94	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		x	
95	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		x	
96	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	x		
97	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản		x	
98	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn		x	
V.6	Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý				
99	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	x		
V.7	Lĩnh vực Khí tượng, thủy văn				
100	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh		x	
101	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	x		
102	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	x		
103	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Cấp tỉnh)		x	
104	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Cấp tỉnh)		x	
105	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Cấp tỉnh)		x	
V.8	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ				
106	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
	Lĩnh vực Kiểm lâm				
107	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES		x	
108	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES		x	
109	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	x		
110	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		x	
111	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		x	
112	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản		x	
113	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên		x	
V.9	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn				
114	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	x		
115	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	x		
V.10	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
116	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý		x	
117	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	x		
118	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp		x	
119	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương		x	
120	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	x		
121	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	x		
122	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức		x	
123	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý		x	
124	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
	Lĩnh vực Môi trường				
125	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	x		
126	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		x	TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
127	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường		x	TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
128	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường		x	TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
129	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
130	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
V.11	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
131	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	x		
132	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	x		
133	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
134	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		
135	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		x	
136	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005		x	
137	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	x		
138	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
V.12	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp				
139	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	x		
V.13	Lĩnh vực Tài nguyên nước				
140	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất		x	
141	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	x		
142	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	x		
143	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (Cấp tỉnh)	x		
144	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện		x	
V.14	Lĩnh vực Thú y				
145	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		x	
146	1.013811	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)		x	
147	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	x		
148	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	x		
149	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	x		
150	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	x		
151	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	x		
152	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	x		
153	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
154	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	x		
155	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh Cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	x		
156	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh Cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	x		
157	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y Cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		x	
158	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		x	
159	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn Cấp tỉnh		x	
160	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		x	
161	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y		x	
V.15	Lĩnh vực Thủy sản				
162	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	x		
163	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	x		
164	1.004669	Tên thủ tục: Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	x		
165	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	x		
166	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	x		
167	1.004678	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
168	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	x		
169	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	x		
170	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)		x	
171	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản		x	
172	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản		x	
173	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	x		
174	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)		x	
175	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá		x	
176	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá		x	
177	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá		x	
178	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	x		
179	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	x		
180	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá		x	
181	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	x		
182	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2		x	
183	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá		x	
184	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá		x	
185	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)		x	
186	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)		x	
187	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
188	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	x		
189	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	x		
190	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá		x	
191	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)		x	
192	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		x	
V.16	Lĩnh vực Trồng trọt				
193	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc		x	
194	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng)		x	
195	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		x	
196	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng		x	
197	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	x		
198	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	x		
199	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	x		
200	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ		x	
201	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
202	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón		x	
203	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng		x	
204	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	x		
205	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	x		
206	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	x		
207	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	x		
208	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		x	
209	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		x	
210	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón		x	
211	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	x		
212	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón		x	
213	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	x		
214	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật		x	
215	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật		x	
216	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh)		x	
217	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		x	
218	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Cấp tỉnh)		x	
VI	Sở Nội vụ (38 TTHC)		38	0	
VI.1	Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động				
1	1.013723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	x		
2	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp;	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động			
3	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	x		
4	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	x		
5	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng	x		
6	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	x		
7	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	x		
8	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	x		
9	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)			
VI.2	Lĩnh vực Lao động, tiền lương				
10	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	x		
11	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	x		
12	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	x		
13	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	x		
14	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	x		
15	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi	x		
VI.3	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước				
16	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	x		
17	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	x		
18	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 trở lên	x		
19	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi ở nước ngoài theo hợp đồng	x		
20	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 trở lên)	x		
21	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	x		
22	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi ở nước ngoài theo hợp đồng	x		
23	2.002105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi ở nước ngoài theo hợp đồng	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
24	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90	x		
25	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90)	x		
VI.4	Lĩnh vực Việc làm				
26	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
27	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
28	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
29	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
30	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
31	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam	x		
32	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	x		
33	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	x		
34	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	x		
35	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	x		
36	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	x		
37	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	x		
38	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	x		
VII	Sở Tài chính (97 TTHC)		56	41	
VII.1	Lĩnh vực Doanh nghiệp nhà nước				
1	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	x		
2	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
3	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV		x	
4	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	x		
5	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	x		
6	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	x		
7	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	x		
8	2.001021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	x		
VII.2	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư				
9	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
VII.3	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt nam				
10	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	x		
11	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	x		
12	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý		x	TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
13	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
14	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	
15	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh		x	
16	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	x		
17	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài của Sở Tài chính hoặc Ban Quản lý	x		
18	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	
19	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
20	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh		x	TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
21	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x	
22	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	x		
23	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND Cấp tỉnh	x		
VII.4	Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư				
24	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	x		
25	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	x		
VII.5	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				
26	2.000746	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	x		
27	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
VII.6	Lĩnh vực Hỗ trợ đầu tư				
28	1.014316	Hỗ trợ chi phí	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
VII.7	Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa				
29	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	x		
30	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	x		
31	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Cấp tỉnh)		x	
32	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	x		
33	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	x		
VII.8	Lĩnh vực Quản lý công sản				
34	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	x		
35	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	x		
36	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	x		
37	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	x		
38	3.000324	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	x		
39	3.000328	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	x		
VII.9	Lĩnh vực Quản lý giá				
40	1.012735	Hiệp thương giá	x		
41	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	x		
VII.10	Lĩnh vực Quản lý tài sản công				
42	3.000432	Xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	x		
43	3.000433	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
44	3.000431	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	x		
45	3.000434	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	x		
46	3.000430	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị về địa phương quản lý, xử lý	x		
47	3.000429	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	x		
48	3.000425	Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	x		
49	3.000428	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	x		
50	3.000424	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	x		
51	3.000426	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	x		
VII.11	Lĩnh vực Phí, lệ phí				
52	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	x		
53	1.01304	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	x		
VII.12	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp				
54	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	x		
55	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	x		
56	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)		x	
57	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
58	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp		x	
59	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền		x	
60	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp		x	
61	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		x	
62	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		x	
63	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		x	
64	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp		x	
65	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế		x	
66	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác		x	
67	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		x	
68	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		x	
69	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		x	
70	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		x	
71	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		x	
72	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)		x	
73	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
74	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty		x	
75	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		x	
76	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		x	
77	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết		x	
78	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)		x	
79	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		x	
80	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		x	
81	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		x	
82	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		x	
83	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo		x	
84	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x		
85	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	x		
86	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	x		
87	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	x		
88	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x		
89	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	x		
90	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	x		
91	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
92	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	x		
93	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	x		
VII.13	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội				
94	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường		x	
95	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội		x	
96	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội		x	
VII.14	Lĩnh vực Tin học - thống kê				
97	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	x		
VIII	Sở Tư pháp (27 TTHC)		9	18	
VIII.1	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước				
1	2.002193	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường		x	
2	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		x	
3	2.002191	Thủ tục phục hồi danh dự		x	
VIII.2	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm				
4	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		x	
5	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		x	
6	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		x	
7	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		x	
8	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất		x	
VIII.3	Lĩnh vực Đấu giá tài sản				
9	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		x	
10	1.013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		x	
11	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
12	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	x		
13	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	x		
14	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		x	
15	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến		x	
VIII.4	Lĩnh vực Giám định tư pháp				
16	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp		x	
17	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp		x	
18	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp		x	
19	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất		x	
VIII.5	Lĩnh vực Hỗ trợ pháp lý				
20	3.000024	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	x		
21	1.005464	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	x		
		Lĩnh vực Luật sư			
22	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	x		
23	1.002218	Hợp nhất công ty luật	x		
24	1.002234	Sáp nhập công ty luật	x		
VIII.6	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý				
25	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	x		
26	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	x		
VIII.7	Lĩnh vực Trọng tài thương mại				
27	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		x	
IX	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (104 TTHC)		104	0	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
IX.1	Lĩnh vực Báo chí				
1	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	x		
2	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	x		
3	2.001171	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	x		
IX.2	Lĩnh vực Di sản văn hóa				
4	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh Cấp tỉnh	x		
5	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	x		
6	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	x		
7	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	x		
8	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	x		
9	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	x		
10	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	x		
11	2.001591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	x		
12	1.003738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	x		
IX.3	Lĩnh vực Điện ảnh				
13	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân Cấp tỉnh)	x		
IX.4	Lĩnh vực Du lịch				
14	1.014192	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	x		
15	1.014191	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	x		
16	1.014190	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	x		
17	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	x		
18	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
19	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	x		
20	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa	x		
21	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu hành	x		
22	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa	x		
23	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa	x		
24	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	x		
25	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	x		
26	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	x		
27	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	x		
28	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	x		
29	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	x		
IX.5	Lĩnh vực Gia đình				
30	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	x		
31	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	x		
32	1.012080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	x		
IX.6	Lĩnh vực Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa				
33	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu Cấp tỉnh	x		
IX.7	Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm				
34	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu Cấp tỉnh	x		
IX.8	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
35	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	x		
36	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	x		
37	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	x		
IX.9	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử				
38	2.002774	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	x		
39	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	x		
40	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	x		
41	2.002740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	x		
42	1.001988	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	x		
43	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	x		
44	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	x		
45	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	x		
46	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	x		
47	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	x		
48	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	x		
49	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	x		
50	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	x		
51	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	x		
IX.10	Lĩnh vực Quảng cáo				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
52	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	x		
53	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	x		
IX.11	Lĩnh vực Thể dục thể thao				
54	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	x		
55	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	x		
56	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	x		
57	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	x		
58	1.000847	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	x		
59	1.000863	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	x		
60	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	x		
61	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	x		
62	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	x		
63	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	x		
64	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	x		
65	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	x		
66	1.000814	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	x		
67	1.000644	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	x		
68	1.000594	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	x		
69	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh			
70	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	x		
71	1.000518	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	x		
72	1.000501	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	x		
73	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	x		
74	1.000920	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	x		
75	1.000936	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	x		
76	1.005163	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	x		
77	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	x		
78	1.000953	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	x		
79	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	x		
80	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	x		
81	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	x		
82	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	x		
83	1.001527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	x		
84	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	x		
85	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	x		
86	1.001500	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	x		
87	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
IX.12	Lĩnh vực Văn hoá				
88	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke Cấp tỉnh	x		
89	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke Cấp tỉnh	x		
90	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	x		
91	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	x		
IX.13	Lĩnh vực Xuất Bản, In và Phát hành				
92	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	x		
93	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	x		
94	1.008201	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	x		
95	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	x		
96	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	x		
97	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	x		
98	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	x		
99	1.003114	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	x		
100	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	x		
101	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	x		
102	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	x		
103	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	x		
104	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	x		
X	Sở Xây dựng (139 TTHC)		127	12	
X.1	Lĩnh vực Đăng kiểm				
1	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin		x	
2	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		vận tải			
3	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo		x	
4	1.013205	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng		x	
5	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới		x	
6	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới		x	
7	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		x	
8	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		x	
9	1.013101	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		x	
10	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo		x	
11	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng		x	
12	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu		x	
13	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	x		
14	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	x		
15	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	x		
X.2	Lĩnh vực Đường bộ				
16	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	x		
17	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	x		
18	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	x		
19	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	x		
20	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
21	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	x		
22	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	x		
23	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	x		
24	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	x		
25	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	x		
26	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	x		
27	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	x		
28	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	x		
29	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	x		
30	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	x		
31	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	x		
32	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	x		
33	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	x		
34	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	x		
35	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	x		
36	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	x		
37	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	x		
38	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	x		
39	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô,	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		bằng xe bốn bánh có gắn động cơ			
40	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	x		
41	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	x		
42	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	x		
43	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	x		
44	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	x		
45	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	x		
46	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	x		
47	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	x		
48	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	x		
49	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	x		
50	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	x		
51	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	x		
52	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	x		
53	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	x		
54	1.000672	Công bố lại bến xe khách	x		
55	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	x		
56	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	x		
57	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	x		
58	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	x		
59	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		thay đổi địa điểm đào tạo			
60	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	x		
61	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	x		
62	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	x		
63	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	x		
X.3	Lĩnh vực Đường sắt				
64	1.005085	Cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp	x		
65	1.009479	Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam	x		
66	1.005071	Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác	x		
67	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	x		
68	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	x		
69	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	x		
70	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	x		
71	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	x		
72	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	x		
73	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	x		
74	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	x		
75	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	x		
76	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	x		
77	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	x		
78	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	x		
X.4	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
79	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	x		
X.5	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa				
80	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	x		
81	1.009440	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	x		
82	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	x		
83	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	x		
84	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	x		
85	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	x		
86	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	x		
87	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	x		
88	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	x		
89	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	x		
90	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	x		
91	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	x		
92	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	x		
93	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	x		
94	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	x		
95	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	x		
96	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	x		
97	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
98	1.009460	Công bố dòng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	x		
99	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	x		
100	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	x		
101	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	x		
102	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	x		
103	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	x		
104	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	x		
105	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	x		
106	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	x		
107	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	x		
108	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	x		
109	1.001870	Đổi tên cảng cạn	x		
110	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	x		
111	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	x		
112	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	x		
113	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	x		
114	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	x		
115	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	x		
116	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	x		
117	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	x		
118	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	x		
119	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên,	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		người lái phương tiện thủy nội địa			
120	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	x		
X.6	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
121	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
122	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
123	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
124	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
125	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
126	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
127	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)			
128	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
X.7	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản				
129	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	x		
130	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	x		
131	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	x		
132	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	x		
X.8	Lĩnh vực Nhà ở và công sở				
133	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	x		
134	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	x		
135	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	x		
136	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	x		
137	1.013769	chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	x		
138	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	x		
X.9	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng				
139	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
XI	Sở Y tế (108 TTHC)		89	19	
XI.1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
1	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
2	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
3	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		
4	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	x		
5	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		
6	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	x		
7	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		
8	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	x		
9	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		
10	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)	x		
11	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		quyền quản lý của Bộ Y tế			
XI.2	Lĩnh vực Bảo hiểm y tế				
12	1.014138	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	x		
13	3.000499	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	x		
14	1.014139	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	x		
15	1.014137	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	x		
XI.3	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
16	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	x		
17	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	x		
18	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	x		
XI.4	Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học				
19	1.012295	Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch	x		
20	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	x		
21	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	x		
XI.5	Lĩnh vực Dược phẩm				
22	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	x		
23	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị);	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc			
24	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	x		
25	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh	x		
26	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	x		
27	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	x		
28	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		x	
29	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	x		
30	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kế thuốc	x		
31	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	x		
32	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ		x	
XI.6	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh				
33	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		
34	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	x		
35	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
36	1.012275	Đăng ký hành nghề	x		
37	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	x		
38	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	x		
39	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		
40	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	x		
41	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	x		
42	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	x		
43	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		
44	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng		x	
45	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		x	
46	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		x	
47	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm		x	
XI.7	Lĩnh vực Mỹ phẩm				
48	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	x		
49	1.002600	Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	x		
50	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		
51	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		
52	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		
53	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	x		
54	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	x		
55	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
56	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	x		
XI.8	Lĩnh vực Phòng bệnh				
57	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	x		
58	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
59	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
60	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế		x	
61	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT		x	
62	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		x	
63	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	
64	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo		x	
65	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
66	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
67	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
68	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	x		
69	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
70	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
71	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
72	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
73	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	x		
74	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	x		
75	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu		x	
76	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	x		
77	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	x		
78	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	x		
79	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	x		
80	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		
81	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	x		
82	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	x		
83	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)		x	
84	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	x		
85	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		
86	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
87	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá		x	
88	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	
89	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu		x	
90	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		
91	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa		x	
92	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải		x	
93	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	x		
94	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	x		
95	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		
XI.9	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội				
96	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	x		
97	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	x		
98	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		
99	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		
100	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		
XI.10	Lĩnh vực Thiết bị y tế				
101	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	x		
102	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	x		
103	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	x		
104	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	x		
105	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
106	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	x		
XI.11	Lĩnh vực Y Dược cổ truyền				
107	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	x		
108	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x		
XII	Ban Quản lý Khu kinh tế (16 TTHC)		12	4	
1	2.002732	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	x		
2	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	x		
3	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		
4	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		
5	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	x		
6	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	x		
7	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		
8	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	x		
9	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	x		
10	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)		x	
11	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	x		
12	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	x		
13	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		x	
14	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)		x	
15	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
16	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Cấp tỉnh		x	
XIII	Thanh tra tỉnh (04 TTHC)		4	0	
1	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	x		
2	1.010943	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	x		
3	2.002411	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	x		
4	2.002407	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	x		
B	TTHC CẤP XÃ (141 TTHC)		101	40	
I	Sở Công Thương (13 TTHC)		1	12	
I.1	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện				
1	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		x	
I.2	Lĩnh vực Cụm công nghiệp				
2	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	x		
I.3	Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước				
3	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		x	
4	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		x	
5	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		x	
6	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu		x	
7	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		x	
8	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		x	
9	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		x	
10	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		x	
11	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		x	
I.4	Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý				
12	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
13	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		x	
II	Sở Giáo dục và Đào tạo (18 TTHC)		8	10	
II.1	Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác				
1	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	x		
II.2	Lĩnh vực Giáo dục mầm non				
2	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	x		
3	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		x	
4	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		x	
5	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	x		
6	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		x	
7	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	x		
8	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	x		
9	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		x	
II.3	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên				
10	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng		x	
II.4	Lĩnh vực Giáo dục tiểu học				
11	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	x		
12	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	x		
13	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		x	
II.5	Lĩnh vực Giáo dục trung học				
14	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	
15	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	x		
16	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		cao nhất là trung học cơ sở			
II.6	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân				
17	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
18	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
III	Sở Nông nghiệp và Môi trường (17 TTHC)		6	11	
III.1	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học				
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	x		
III.2	Lĩnh vực Biển và hải đảo				
2	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	
3	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	
4	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	
5	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	
6	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	x		
III.3	Lĩnh vực Chăn nuôi				
7	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	
8	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)		x	
III.4	Lĩnh vực Đất đai				

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
9	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	x		
10	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	x		
III.5	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
11	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		x	
12	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng		x	
III.6	Lĩnh vực Môi trường				
13	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1010736)	x		
III.7	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
14	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		x	
III.8	Lĩnh vực Thủy sản				
15	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	x		
16	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		x	
III.9	Lĩnh vực Trồng trọt				
17	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa		x	
IV	Sở Tài chính (35 TTHC)		29	6	
IV.1	Lĩnh vực Tài chính đất đai				
1	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	x		
IV.2	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác				
2	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	x		
3	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo			
4	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	x		
5	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	x		
6	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	x		
7	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	x		
8	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	x		
9	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	x		
10	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
11	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
12	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
13	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	x		
14	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	x		
15	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	x		
16	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
17	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		x	
18	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
20	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;		x	
21	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		x	

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
22	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		x	
23	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	x		
IV.3	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh				
24	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x		
25	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	x		
26	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	x		
27	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	x		
28	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x		
IV.4	Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				
29	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		
IV.5	Lĩnh vực Quản lý công sản				
30	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	x		
31	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	x		
32	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	x		
33	1.005007	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước		x	
34	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	x		
35	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	x		
V	Sở Tư pháp (07 TTHC)		7	0	
V.1	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước				
1	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	x		
V.2	Lĩnh vực Chứng thực				
2	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận			
3	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	x		
4	2.001035	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	x		
5	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	x		
6	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	x		
7	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	x		
VI	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (05 TTHC)		5	0	
VI.1	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử				
1	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
2	1.013795	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
3	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
4	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		
VI.2	Lĩnh vực Thể dục thể thao				
5	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	x		
VII	Sở Xây dựng (39 TTHC)		39	0	
VII.1	Lĩnh vực Đường bộ				
1	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	x		
2	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	x		
3	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	x		
4	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ			
VII.2	Lĩnh vực Đường sắt				
5	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	x		
VII.3	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa				
6	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	x		
7	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	x		
8	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	x		
9	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	x		
10	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	x		
11	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	x		
12	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	x		
13	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	x		
14	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	x		
15	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	x		
16	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	x		
17	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	x		
18	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	x		
19	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	x		
20	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
21	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		
22	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	x		
23	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
24	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		
25	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	x		
26	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	x		
27	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	x		
28	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		
29	1.003658	Công bố lại hoạt động bên thủy nội địa	x		
VII.4	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
30	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	x		
31	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	x		
32	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	x		
33	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa,	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
		cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ			
34	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	x		
VII.5	Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn				
35	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
36	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
37	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
38	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		TTHC dùng chung Ban Quản lý Khu kinh tế
39	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	x		
VIII	Sở Y tế (04 TTHC)		3	1	
VIII.1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
1	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	x		
VIII.2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
2	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	x		
3	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		x	
VIII.3	Lĩnh vực Trẻ em				
4	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	x		

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Ghi chú
IX	Thanh tra tỉnh (03 TTHC)		3	0	
1	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	x		
2	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	x		
3	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	x		